

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn, cấp
đường nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham dự phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 416/2019/TLST- HNGĐ ngày 27/12/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 10/2020/QĐXX-ST ngày 18/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị S, sinh năm 1984 ; Địa chỉ cư trú: xã T, huyện C, tỉnh B (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: xã T, huyện C, tỉnh B (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị S trình bày:

Chị S và anh Nguyễn Huy T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B. Việc kết hôn do hai người tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã T, huyện C, tỉnh B và có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009. Có tạo lập được tài sản chung là 01 căn nhà, nợ chung không có.

Về mâu thuẫn vợ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống không có chuyện gì xảy ra, cuộc sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây (khoảng bắt đầu từ năm 2018) vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài cho tới nay. Nguyên nhân là do anh S hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị S đã tiến hành khuyên ngăn nhưng anh S không nghe mà còn có hành vi đánh vợ, đập phá đồ đạc, tài sản trong nhà và đuổi chị S ra khỏi nhà.

Nay chị S nhận thấy cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị S khởi kiện anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T. Về con chung chị S yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngoài ra chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại văn bản ý kiến ngày 17/02/2020, đơn yêu cầu vắng mặt ngày 17/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Huy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huy T thừa nhận giữa anh T và chị Cao Thị S là vợ chồng, kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T thì anh T đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị S có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009, anh T đồng ý giao con cho chị S trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 20/7/2009 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có Bản án, Quyết định của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi như chị S yêu cầu.

Về tài sản, nợ : Anh Nguyễn Huy T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; về nợ anh T khai không có vay nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu phản tố: Anh T không yêu cầu phản tố đối với việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Cao Thị S có mặt, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác. Bị đơn anh Nguyễn Huy T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị S, bị đơn - anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, nhưng xét thấy việc vắng mặt anh T là do anh T tự thực hiện và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S. Giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T; Giao con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009 cho chị S được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung là cháu Đạt đủ 18 tuổi như chị S yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị S và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con” theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và bị đơn anh Nguyễn Huy T có nơi cư trú tại ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh B, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có thẩm quyền giải quyết.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Huy T vắng mặt nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Huy T cùng thừa nhận cả hai là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B, việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị S nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị S đã tiến hành khuyên ngăn nhưng anh T không nghe mà còn có hành vi đánh vợ, đập phá đồ đạc, tài sản và đuổi chị S ra khỏi nhà. Anh T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng ý ly hôn và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho chị S và anh T được. Như vậy, Tòa án có đủ cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên

cầu được ly hôn với anh T của chị S là có cơ sở. Phía Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị S nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết cho chị S được ly hôn với anh T.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị S và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009, Hiện nay cháu Đ đang sống với chị S, khi ly hôn chị S yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 20/7/2009 cho chị S được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Anh T đồng ý với yêu cầu giải quyết về người nuôi con theo yêu cầu của chị S, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Đ khi cháu cũng mong muốn được sống chung với chị S sau khi chị S và anh T ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết giao con chung tên Nguyễn Thành Đ cho chị S trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con; Khi ly hôn chị Cao Thị S yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thành Đạt theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con như chị S yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009 như nêu trên.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Cao Thị S và anh Nguyễn Huy T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Cao Thị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Cao Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009 cho chị Cao Thị S được quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Huy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/7/2009 theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003958, quyền số: 0080 ngày 23/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chị S không phải tiếp tục nộp án phí.

Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc Khánh